

UBND XÃ THANH NÚA
TRƯỜNG THCS THANH NÚA

DANH SÁCH HỌC SINH, HỌC VIÊN ĐỀ NGHỊ HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỌC SINH BÁN TRÚ TỪ 9-12 NĂM 2025

(Dùng cho cơ sở giáo dục có học sinh bán trú, học viên bán trú)

(Kèm theo Thông báo số: /TB - THCS, ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Trường THCS Thanh Núa)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
1	Vàng Hoài Nam	10/05/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A1
2	Mùa A Công	01/8/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A2
3	Vừ Minh Hạnh	30/9/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A2
4	Vừ Thị Mai Lam	20/8/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A2
5	Lương Thị Diệu Anh	08/11/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A2
6	Lò Thị Bạch Tuyết	12/01/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A2
7	Sùng Thị Phương	26/11/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A3
8	Nguyễn Gia Hưng	24/01/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A3
9	Điền Chính Nghĩa	16/11/2014	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	6A3
10	Thào Thị Lan	21/04/2013	936.000	360.000	15	3	2.808.000	1.080.000	45	7B3
11	Lầu Thị May Tuệ	03/11/2013	936.000	360.000	15	3	2.940.500	1.080.000	45	7B3
12	Hà Văn Linh	15/02/2013	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	7B3

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Tiền ăn được hỗ trợ/tháng	Tiền ở được hỗ trợ/tháng	Gạo được hỗ trợ/tháng (kg)	Số tháng	Tổng số tiền ăn được hỗ trợ/năm	Tổng số tiền ở được hỗ trợ/năm	Tổng số gạo được hỗ trợ/năm (kg)	Ghi chú
13	Điền Thị Thuỳ Dương	20/08/2012	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	8C1
14	Vi Hoàng Nguyên	16/03/2012	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	8C2
15	Lầu A Chung	28/11/2012	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	8C2
16	Vừ Thị Mỹ Chi	14/02/2012	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	8C3
17	Lò Thị Thu Hiền	24/12/2012	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	8C3
18	Vừ Thị Xuân	18/05/2011	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	9D2
19	Lầu Minh Trí	27/11/2011	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	9D3
20	Mùa Thị Mai Xuân	17/10/2011	936.000	360.000	15	4	3.744.000	1.440.000	60	9D3
	Tổng cộng						64.716.500	24.840.000	1.035	

....., ngày 21. tháng 01. năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên/đóng dấu)



Nguyễn Thị Thu Hằng